

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 16/2026/HS-ST
Ngày 16/01/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiêu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Phú Hợp
2. Ông Nguyễn Quang Tùng

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quang Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 884/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 901/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Đình T, **sinh năm** 1987; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú & chỗ ở: khu Tập thể G, tổ dân phố H, phường T, Thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hoàng Đình T1 và con bà Trần Thị L; vợ Hoàng Thị N, sinh năm 1988 và có 02 con, sinh năm 2011 và 2016. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Văn B, sinh năm 1976; nơi thường trú: số A phố N, phường C, thành phố Hải Phòng. *Có mặt.*

2. Anh Hoàng Trọng N1, sinh năm 1995; nơi thường trú: số G phố P, phường P, Thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

3. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1984; nơi thường trú: Ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. *Vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ cho ông Nguyễn Minh H: Luật sư Phan Văn H1 thuộc Công ty L1 - Đoàn Luật sư tỉnh V. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố:

Ngày 03/12/2024, trên chuyến bay MU5075 từ T (Trung Quốc) đến N, Cục Q (Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế N2) phát hiện vụ việc có dấu hiệu tổ chức cho Đặng Văn B (sinh năm 1976, trú tại phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương, nay là phường C, thành phố Hải Phòng) và Hoàng Trọng N1 (sinh năm 1995, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên, nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) xuất cảnh đi J -Hàn Quốc theo diện du lịch miễn thị thực với mục đích trốn ở lại lao động.

Ngày 08/01/2025, Cục Q - Bộ C đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan An ninh điều tra - Công an Thành phố H để điều tra.

Kết quả điều tra đến nay xác định:

Qua các mối quan hệ xã hội, khoảng năm 2023, Hoàng Đình T quen biết Nguyễn Minh H - Giám đốc Công ty CP T2), qua giới thiệu, T biết H chuyên làm về mảng du học và xuất khẩu lao động, H nói với T là phía Công ty MT&K của H có liên kết với Công ty phía Hàn Quốc để đưa người đi lao động. H có mời T vào Thành phố Hồ Chí Minh để làm việc cho H từ khoảng tháng 4/2024. Công việc của T là tuyển sinh học sinh, lao động và công tác quản lý học sinh, lao động, thu, chi, đào tạo tiếng cho học sinh và lao động.

Quá trình làm việc cho H, T có quen biết với Đặng Văn B và Hoàng Trọng N1 có thông tin nêu trên. Qua trao đổi, T biết B và N1 vào Thành phố Hồ Chí Minh để học tiếng Hàn với mục đích đi lao động Hàn Quốc, thời gian từ tháng 6/2024 đến cuối tháng 8/2024 theo chương trình của công ty MT&K của H.

Ban đầu, khi B và N1 nộp hồ sơ mục đích đi lao động theo diện visa E9-5 theo Học viện T3 (T không biết Học viện này là của ai, địa chỉ ở đâu, đây là mối quan hệ của H). Qua trao đổi với B và N1, T được biết B và N1 được bên Tum tư vấn chi phí là 16.000USD, T đã trao đổi lại và cho họ biết là phía H chỉ lấy 12.000USD, sau đó, B và N1 đã rút hồ sơ bên Học viện T3 và nộp trực tiếp cho công ty MT&K của H. Tuy nhiên, thời điểm đó, H nói với T không xin được visa diện E9-5 cho lao động nên bảo T tư vấn cho B và N1 đi lao động theo diện visa C4-5, hết 90 ngày tại Hàn Quốc sẽ về nước và công ty MT&K của H sẽ tiếp tục gia hạn thêm visa thành 02 năm.

Sau khi hoàn thành xong khóa học tiếng Hàn, T yêu cầu B và N1 về đợi và hứa sẽ có visa ngày 10/9/2024. Tuy nhiên sau đó, T không biết lý do vì sao

phía H không xin được visa cho khách và hẹn nhiều lần nhưng khách vẫn không có lịch bay. Do bị hoãn lịch bay nhiều lần nên B và N1 gọi điện hỏi và yêu cầu T hoàn lại tiền nhưng T không có tiền để trả cho B và N1 vì H không trả cho T. T đã lên mạng tìm hiểu thì được biết thời điểm đó phía Hàn Quốc có chương trình du lịch đảo J miễn thị thực nên đã tư vấn B và N1 tham gia chương trình du lịch này, sau đó sẽ trốn ở lại lao động với tổng chi phí là 10.000USD. Để đi sang được Jeju du lịch thì phải quá cảnh hoặc đi du lịch ở T, sau đó sẽ từ T bay sang Jeju. Tuy nhiên, bản thân T lại không hiểu biết nhiều về Trung Quốc và Hàn Quốc nên đã lên mạng tìm đơn vị làm thủ tục xin visa cho B và N1 đi du lịch T, hiện do thời gian đã lâu, T không nhớ được đã thông qua đơn vị nào và chi phí hết bao nhiêu tiền. Đồng thời, T nhờ Mai Thị D (sinh năm 1984, trú tại Nhà C, KĐT Geleximco L, đường L, phường D, quận H, Thành phố Hà Nội - Giám đốc Công ty TNHH C1) mua vé máy bay, đặt phòng khách sạn cho B và N1 đi T và J - Hàn Quốc. Ngày 24/11/2024, B và N1 xuất cảnh bay sang T và du lịch tại T đến ngày 30/11/2024 thì xuất cảnh bay sang Jeju. Tuy nhiên, khi B và N1 đến sân bay J thì bị cơ quan chức năng phía Hàn Quốc không cho nhập cảnh do nghi ngờ lí do nhập cảnh và yêu cầu họ quay trở lại Việt Nam.

* **Về hồ sơ:** B và N1 đã nộp cho T bản gốc hộ chiếu, xác nhận cư trú, phiếu lý lịch tư pháp, ảnh, giấy khám sức khỏe, sơ yếu lý lịch, xác nhận hôn nhân, bản photo căn cước công dân.

* **Về chi phí:** Khi nộp hồ sơ để đi lao động Hàn Quốc, B và N1 đã nộp tiền cho T theo quy định của công ty MT&K của H bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản số 109872140271 tại ngân hàng V và tài khoản số 0983424685 tại ngân hàng S của T. Cụ thể:

- B đã nộp cho T tổng cộng 251.800.000 đồng (nộp thành 03 lần: Lần 1 - 10.000.000 đồng tiền dịch thuật hồ sơ; Lần 2 - 25.000.000 đồng tiền xin visa; Lần 3 - 216.800.000 đồng tiền các chi phí còn lại).

- N1 nộp cho T số tiền 25.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền của B và N1, T đã chuyển toàn bộ số tiền cho H bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của H tại ngân hàng M số tài khoản 5678938373839 và Ngân hàng M1 số tài khoản 04286019067777.

Ngoài ra, T phải trả cho D là 30.000.000 đồng là tiền nhờ D mua hộ vé máy bay, đặt phòng khách sạn cho B, N1 ở T và J.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Đình T, Nguyễn Minh H, Mai Thị D, Đặng Văn B và Hoàng Trọng N1 khai nhận phù hợp với nội dung trên.

Ngày 20/3/2025, Hoàng Đình T đã hoàn trả lại số tiền 210.000.000 đồng

cho Đặng Văn B.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định: Nguyễn Minh H biết công ty MT&K của H chỉ được cấp phép trong lĩnh vực tư vấn du học, không được cấp phép trong lĩnh vực tư vấn xuất khẩu lao động và đào tạo tiếng Hàn Quốc, tuy nhiên vẫn đề nghị Hoàng Đình T tư vấn, tuyển lao động cho công ty của H theo diện E9-5 và C4-5. Theo đó, T đã tư vấn, thu tiền của một số khách để chuyển cho H làm thủ tục đi lao động Hàn Quốc theo diện E9-5 và C4-5. Tổng số tiền T đã chuyển cho H là 1.324.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền, H không làm được thủ tục cho khách đi lao động nhưng chỉ trả lại T 256.000.000 đồng, số tiền còn lại (1.068.000.000 đồng) H không hoàn trả lại để T trả cho khách. Do việc tư vấn, làm hồ sơ, thủ tục, thu tiền của các khách trên đều xảy ra tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hoàng Đình T đã có đơn tố cáo Nguyễn Minh H về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H. Vì vậy, ngày 07/11/2025, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến Nguyễn Minh H để chuyển cho Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H để xác minh, làm rõ.

Kết quả xác minh tại các cơ quan, tổ chức liên quan

- Xác minh tại Cục Q Bộ C xác định Đặng Văn B và Hoàng Trọng N1 chưa bị xử lý hành chính về lĩnh vực xuất nhập cảnh.

- Xác minh tài khoản số 109872140271 tại ngân hàng V và tài khoản số 0983424685 tại ngân hàng S của Hoàng Đình T xác định: Tại bản sao kê các tài khoản trên thể hiện có các giao dịch chuyển, nhận tiền.

- Xác minh tại Cục Q1 ngoài nước - Bộ Nội vụ xác định:

+ Visa E9-5 của Hàn Quốc là thị thực lao động phổ thông - được cấp cho người nước ngoài làm việc trong các ngành không chuyên môn như lau dọn nhà hàng, khách sạn, căn hộ chung cư, phụ bếp, vệ sinh,... Loại hình visa này liên quan đến Chương trình cấp phép việc làm (EPS) do Trung tâm L2 ngoài nước được Bộ N3 giao thực hiện.

+ Visa C4-5 của Hàn Quốc là loại thị thực lao động ngắn hạn (không phải công việc theo mùa), thường được cấp cho người nước ngoài làm các công việc như lắp đặt, bảo trì máy móc, hợp đồng cung cấp dịch vụ, quảng cáo, người mẫu, giảng dạy ngắn hạn. Cho đến nay, Cục chưa nhận được hồ sơ đăng ký hợp đồng của doanh nghiệp D1 đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo thị thực C4-5.

+ Công ty CP T4 MT&K và cá nhân ông Nguyễn Minh H không được Bộ L3 (nay là Bộ N3) cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt

Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKSHN-P1, ngày 25/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Hoàng Đình T về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Đình T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng.

Anh Đặng Văn B và Hoàng Trọng N1 đều trình bày đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án. Những nội dung liên quan đến các anh, bị cáo T khai đúng sự thật. Anh B và anh N1 không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Hai anh đều đề nghị Tòa án xét xử nhẹ nhất đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo ngoài xã hội.

Kiểm sát viên nắm quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tích chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận, khẳng định mình phạm tội bị xét xử là đúng người, đúng tội. Bị cáo chỉ xin được hưởng án treo.

Luật sư Phan Văn H1 trình bày: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh Nguyễn Minh H nên không tranh luận.

[3] Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, hiện đang nuôi con nhỏ và có cha mẹ già. Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình. Xin Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố

cáo. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét hành vi nguy hiểm của bị cáo bị truy tố:

Quá trình xét hỏi; tranh tụng công khai tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra, truy tố, thể hiện:

Hoàng Đình T không có chức năng, nhiệm vụ trong việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Hàn Quốc và biết mục đích của Đặng Văn B và Hoàng Trọng N1 đi sang Hàn Quốc để lao động nhưng Hoàng Đình T đã làm thủ tục cho Đặng Văn B, Hoàng Trọng N1 đi J - Hàn Quốc du lịch sau đó trốn ở lại để lao động tại Hàn Quốc.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Xác định hành vi nguy hiểm của bị cáo là tội phạm nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất cảnh, cư trú của N4; gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã trả tiền cho người liên quan, ông Đặng Văn B và Hoàng Trọng N1 không yêu cầu về dân sự; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; có hai con nhỏ; bị cáo không được hưởng lợi, nên có thể áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: không.

Về hình phạt bổ sung, xét bị cáo không có công việc ổn định, không có chức vụ nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về quyết định hình phạt:

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội giữ nguyên bản cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị áp dụng mức hình phạt từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù là phù hợp với tích chất và mức độ thực hiện tội phạm của bị cáo. Song, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng; thực sự thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; được người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung; tạo cơ hội cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để nuôi dạy các con nhỏ và phụng dưỡng cha mẹ là người cao tuổi.

[5] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Minh H: Do Hoàng Đình T và Nguyễn Minh H đều khai nhận việc T làm thủ tục cho B và N1 đi du lịch Jeju sau đó trốn ở lại lao động; H không biết và không tham gia nên không xem xét xử lý đối với Nguyễn Minh H là phù hợp.

Đối với Mai Thị D: Do Hoàng Đình T và Mai Thị D đều khai nhận việc Mai Thị D không biết mục đích việc B và N1 sang Jeju để trốn ở lại lao động và chỉ giúp Hoàng Đình T đặt mua vé máy bay, phòng khách sạn tại T, J cho B, N1. Mai Thị D không được hưởng lợi gì. Vì vậy, không xem xét xử lý đối với Mai Thị D là phù hợp.

Đối với đơn vị làm thủ tục xin visa cho B, N1 đi du lịch T do Hoàng Đình T không cung cấp được thông tin cụ thể nên không có căn cứ làm rõ là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Hoàng Đình T phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình T **24 (hai mươi bốn)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (*bốn mươi tám*) tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường

hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về án phí: *Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,*

Bị cáo Hoàng Đình T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021,*

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Công an Thành phố Hà Nội;
- THADS Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường Thượng Cát, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiều